

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (33 câu, từ câu 1 đến câu 33).

Câu 1: Một gen có cấu trúc dạng B dài 5100 ăngxtông có số nuclêôtit là

- A. 6000. B. 1500. C. 4500. D. 3000.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về đặc điểm của mã di truyền?

- A. Mã di truyền có tính thoái hoá.
B. Mã di truyền là mã bộ ba.
C. Mã di truyền có tính phổ biến.
D. Mã di truyền đặc trưng cho từng loài sinh vật.

Câu 3: Trong trường hợp một gen qui định một tính trạng, gen trội là trội hoàn toàn, các gen phân li độc lập, tổ hợp tự do. Phép lai AaBb x aabb cho đời con có sự phân li kiểu hình theo tỉ lệ

- A. 1 : 1 : 1 : 1. B. 1 : 1. C. 9 : 3 : 3 : 1. D. 3 : 1.

Câu 4: Sơ đồ nào sau đây **không** mô tả đúng về một chuỗi thức ăn?

- A. Cỏ → thỏ → mèo rừng.
B. Tảo → giáp xác → cá → chim bói cá → điều hâu.
C. Lúa → cò → ếch đồng → chuột đồng → cá.
D. Rau → sâu ăn rau → chim ăn sâu → điều hâu.

Câu 5: Hình tháp sinh thái luôn có dạng chuẩn (đáy tháp rộng ở dưới, đỉnh tháp hẹp ở trên) là hình tháp biểu diễn

- A. sinh khối và số lượng cá thể của các bậc dinh dưỡng.
B. số lượng cá thể của các bậc dinh dưỡng.
C. năng lượng của các bậc dinh dưỡng.
D. sinh khối của các bậc dinh dưỡng.

Câu 6: Sản lượng sinh vật thứ cấp trong hệ sinh thái được tạo ra từ

- A. sinh vật tiêu thụ. B. sinh vật sản xuất.
C. sinh vật sản xuất và sinh vật phân huỷ. D. sinh vật phân huỷ.

Câu 7: Ruồi giấm có bộ nhiễm sắc thể $2n = 8$. Số lượng nhiễm sắc thể có trong tế bào sinh dưỡng của ruồi giấm thuộc thể lệch bội dạng bốn nhiễm là

- A. 16. B. 10. C. 32. D. 12.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về chọn lọc tự nhiên theo quan niệm hiện đại?

- A. Chọn lọc cá thể diễn ra trước, chọn lọc quần thể diễn ra sau.
B. Chọn lọc cá thể và chọn lọc quần thể diễn ra đồng thời.
C. Chọn lọc quần thể diễn ra trước, chọn lọc cá thể diễn ra sau.
D. Chọn lọc chỉ diễn ra ở cấp độ quần thể mà không diễn ra ở cấp độ cá thể.

Câu 9: Tính theo lí thuyết, tỉ lệ các loại giao tử $2n$ được tạo ra từ thể tứ bội có kiểu gen AAaa là

- A. 4AA : 1Aa : 1aa. B. 1Aa : 1aa. C. 1AA : 1aa. D. 1AA : 4Aa : 1aa.

Câu 10: Sự giống nhau giữa người và vượn người ngày nay chứng tỏ

- A. người và vượn người ngày nay có quan hệ thân thuộc gần gũi.
B. vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.
C. vượn người ngày nay tiến hoá theo cùng một hướng với loài người, nhưng chậm hơn loài người.
D. vượn người ngày nay không phải là tổ tiên của loài người.

Câu 26: Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm

A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.

B. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

C. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.

D. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 27: Bằng phương pháp tứ bội hoá, từ hợp tử lưỡng bội kiểu gen Aa có thể tạo ra thể tứ bội có kiểu gen

A. AAAa.

B. Aaaa.

C. AAaa.

D. AAAA.

Câu 28: Trong các bệnh sau đây ở người, bệnh nào là bệnh di truyền liên kết với giới tính?

A. Bệnh máu khó đông.

B. Bệnh tiểu đường.

C. Bệnh ung thư máu.

D. Bệnh bạch tạng.

Câu 29: Kiểu gen của cơ thể mang tính trạng trội có thể xác định được bằng phép lai

A. khác thứ.

B. thuận nghịch.

C. phân tích.

D. khác dòng.

Câu 30: Ở người, gen qui định tật dính ngón tay 2 và 3 nằm trên nhiễm sắc thể Y, không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể X. Một người đàn ông bị tật dính ngón tay 2 và 3 lấy vợ bình thường, sinh con trai bị tật dính ngón tay 2 và 3. Người con trai này đã nhận gen gây tật dính ngón tay từ

A. mẹ.

B. bà nội.

C. bố.

D. ông ngoại.

Câu 31: Theo quan niệm hiện đại, nhân tố tiến hoá làm thay đổi tần số alen của quần thể theo một hướng xác định là

A. chọn lọc tự nhiên.

B. đột biến.

C. cách li.

D. giao phối.

Câu 32: Đặc trưng nào sau đây **không** phải là đặc trưng của quần thể?

A. Tỷ lệ các nhóm tuổi.

B. Đa dạng loài.

C. Mật độ cá thể.

D. Tỷ lệ đực, cái.

Câu 33: Đối với quá trình tiến hoá, các cơ chế cách li có vai trò

A. tạo các tổ hợp alen mới trong đó có các tổ hợp có tiềm năng thích nghi cao.

B. hình thành cá thể và quần thể sinh vật thích nghi với môi trường.

C. ngăn cản sự giao phối tự do, củng cố và tăng cường sự phân hoá kiểu gen trong quần thể bị chia cắt.

D. tạo các alen mới, làm phong phú thêm vốn gen của quần thể.

PHẦN RIÊNG (Thí sinh học theo ban nào phải làm phần đề thi riêng của ban đó).

Phần dành cho thí sinh ban Khoa học Tự nhiên (7 câu, từ câu 34 đến câu 40).

Câu 34: Ở ruồi giấm, gen qui định tính trạng màu sắc thân và gen qui định tính trạng độ dài cánh nằm trên cùng một nhiễm sắc thể thường (mỗi gen qui định một tính trạng). Lai dòng ruồi giấm thuần chủng thân xám, cánh dài với dòng ruồi giấm thân đen, cánh cụt được F₁ toàn ruồi thân xám, cánh dài. Lai phân tích ruồi cái F₁, trong trường hợp xảy ra hoán vị gen với tần số 18%. Tỷ lệ ruồi thân đen, cánh cụt xuất hiện ở F_B tính theo lý thuyết là

A. 41%.

B. 18%.

C. 82%.

D. 9%.

Câu 35: Hai loài sống dựa vào nhau, cùng có lợi nhưng không bắt buộc phải có nhau, là biểu hiện của mối quan hệ

A. cạnh tranh.

B. hội sinh.

C. cộng sinh.

D. hợp tác.

Câu 36: Căn cứ vào những biến cố lớn về địa chất, khí hậu và các hóa thạch điển hình, người ta đã chia lịch sử phát triển sự sống thành các đại:

A. Cổ sinh, Nguyên sinh, Trung sinh, Tân sinh.

B. Tân sinh, Trung sinh, Thái cổ, Tiền Cambri.

C. Nguyên sinh, Tiền Cambri, Trung sinh, Tân sinh.

D. Cổ sinh, Tiền Cambri, Trung sinh, Tân sinh.

Câu 37: Thao tác nối ADN của tế bào cho vào ADN plasmit tạo ADN tái tổ hợp được thực hiện nhờ enzym

A. ligaza.

B. ARN - polymeraza.

C. amilaza.

D. restrictaza.

Câu 38: Quần thể ngẫu phối nào sau đây đã đạt trạng thái cân bằng di truyền?

A. 0,1AA : 0,5Aa : 0,4aa.

B. 0,3AA : 0,6Aa : 0,1aa.

C. 0,25AA : 0,5Aa : 0,25aa.

D. 0,3AA : 0,5Aa : 0,2aa.

Câu 39: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình?

A. Kiểu hình chỉ phụ thuộc vào kiểu gen mà không chịu ảnh hưởng của các yếu tố môi trường.

B. Kiểu gen qui định khả năng phản ứng của cơ thể trước môi trường.

C. Kiểu hình là kết quả của sự tương tác giữa kiểu gen và môi trường.

D. Bộ mẹ không truyền cho con những tính trạng đã hình thành sẵn mà truyền một kiểu gen.

Câu 40: Để xác định quan hệ họ hàng giữa các loài sinh vật, người ta **không** dựa vào

A. cơ quan tương đồng.

B. bằng chứng phôi sinh học.

C. cơ quan tương tự.

D. bằng chứng sinh học phân tử.

Phần dành cho thí sinh ban Khoa học Xã hội và Nhân văn (7 câu, từ câu 41 đến câu 47).

Câu 41: Để hạn chế ô nhiễm môi trường, **không** nên

A. bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác hợp lí tài nguyên thiên nhiên.

B. lắp đặt thêm các thiết bị lọc khí thải cho các nhà máy sản xuất công nghiệp.

C. sử dụng các loại hoá chất độc hại vào sản xuất nông, lâm nghiệp.

D. xây dựng thêm các công viên cây xanh và các nhà máy xử lí, tái chế rác thải.

Câu 42: Để xác định vai trò của gen và môi trường trong việc hình thành một tính trạng nào đó ở người, có thể tiến hành phương pháp nghiên cứu

A. di truyền tế bào.

B. phá hệ.

C. người đồng sinh.

D. di truyền phân tử.

Câu 43: Ở cà chua, gen qui định tính trạng hình dạng quả nằm trên nhiễm sắc thể thường, alen A qui định quả tròn trội hoàn toàn so với alen a qui định quả bầu dục. Lai cà chua quả tròn với cà chua quả bầu dục thu được F₁ toàn cây quả tròn. Cho các cây F₁ giao phấn, F₂ phân li kiểu hình theo tỉ lệ

A. 1 : 2 : 1.

B. 3 : 1.

C. 1 : 1.

D. 9 : 3 : 3 : 1.

Câu 44: Số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển, gọi là

A. kích thước trung bình của quần thể.

B. mật độ của quần thể.

C. kích thước tối thiểu của quần thể.

D. kích thước tối đa của quần thể.

Câu 45: Nhân tố nào sau đây có khả năng làm phát sinh các alen mới trong quần thể?

A. Giao phối.

B. Đột biến.

C. Cách li di truyền.

D. Chọn lọc tự nhiên.

Câu 46: Loài động vật có quá trình phát triển phôi giống với quá trình phát triển phôi của người nhất là

A. đười ươi.

B. khỉ sóc.

C. tinh tinh.

D. gôri-la.

Câu 47: Một gen sau đột biến có chiều dài không đổi nhưng giảm một liên kết hiđrô. Gen này bị đột biến thuộc dạng

A. thêm một cặp nuclêôtit.

B. thay thế một cặp A - T bằng một cặp G - X.

C. mất một cặp nuclêôtit.

D. thay thế một cặp G - X bằng một cặp A - T.

----- HẾT -----